

YẾU TỐ ĐẠO GIÁO TẠI MỘT SỐ CƠ SỞ THỜ TỰ TAM GIÁO CỦA NGƯỜI VIỆT Ở ĐÀNG TRONG THỜI CHÚA NGUYỄN THẾ KỶ XVI - XVIII

TRƯƠNG THÚY TRINH *

1. Dẫn nhập

Thứ nhất, tam giáo là hiện tượng phổ biến ở khu vực Đông Nam Á thời kỳ trung đại, trong đó các tôn giáo Nho - Phật - Đạo cùng tồn tại trong mối quan hệ tương hỗ, bổ trợ cho nhau. Tam giáo từ lâu đã trở thành một trong những truyền thống tôn giáo, tín ngưỡng phổ biến trong đời sống sinh hoạt tinh thần của người Việt. Các tôn giáo này được truyền vào nước ta ở những thời điểm khác nhau trong khoảng từ thế kỷ I đến thế kỷ III đầu công nguyên. Quá trình du nhập và phát triển của tam giáo được các nhà nghiên cứu phân chia thành 3 giai đoạn, gồm:

- Giai đoạn *Tam đỉnh phân lập* (khoảng từ thế kỷ XIV trở về trước): các tôn giáo mâu thuẫn, đối lập nhau để khẳng định chỗ đứng trong đời sống xã hội;
- Giai đoạn *Tam giáo dung hợp* (thế kỷ XV - XVII): các tôn giáo dung nạp, bổ trợ cho nhau để cùng tồn tại;
- Giai đoạn *Tam giáo đồng nguyên* (thế kỷ XVIII - XIX): các tôn giáo có xu hướng hội tụ, thừa nhận nhau để trở thành một chỉnh thể thống nhất. Do đó, hiện tượng *tam giáo đồng nguyên* còn được gọi dưới nhiều

tên gọi như *tam giáo nhất nguyên*, *tam giáo hợp lưu*, hay *tam giáo đồng quy* (1)...

Thứ hai, Đạo giáo được truyền vào nước ta gồm các phái luyện đan, tu tiên, phép thuật... Tuy nhiên người Việt với tư duy ưa thích ma thuật nó tạo điều kiện cho các nghi lễ thực hành mang tính phép thuật, bùa chú của Đạo giáo tàng ẩn dưới các dạng phương thuật phổ biến trong đời sống dân gian. Mặc dù đa phần dân chúng dành nhiều tình cảm cho *Đạo giáo thần tiên* song xu hướng phát triển chính của Đạo giáo ở Việt Nam là *Đạo giáo phù thủy* (2).

Thời kỳ đầu Công nguyên, Đạo giáo có lẽ giữ vai trò quan trọng trong đời sống xã hội ở Giao Châu. Các ghi chép trong *Lý hoạc Luận* (thế kỷ II) cho thấy Mâu Tử thường sử dụng các khái niệm dựa trên nhân sinh quan Đạo giáo để lý giải cho các vấn đề của Phật giáo (3). Thời kỳ phong kiến độc lập, Phật giáo (thời kỳ Lý, Trần) và Nho giáo (thời kỳ Lê, Nguyễn) thay thế nhau trong vai trò là hệ tư tưởng chính thống, trong khi Đạo giáo luôn giữ vị trí khiêm tốn trong mối quan hệ Tam giáo. Đặc biệt, thế kỷ XV trở đi, cùng với việc đề cao Nho giáo các triều đình Lê, Nguyễn coi các hình thức bói toán, bùa chú, đồng cốt là *tà đạo*, ban hành luật

*ThS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo

cầm đối với các hình thức nghi lễ này. Kể từ đây vai trò của Đạo giáo dần bị thu hẹp, đạo quán chiếm số lượng ít ỏi, một số đạo quán bị chuyển thành chùa, để tồn tại Đạo giáo thường phải nương nhờ vào Phật giáo (4).

Thứ ba, với Đàng Trong: năm 1558 Nguyễn Hoàng thừa lệnh vua Lê vào trấn thủ Thuận Hóa đặt dấu mốc quan trọng cho sự phát triển của vùng đất Đàng Trong. Trên thực tế, vùng đất này đã được nhà Lý chinh phục từ thế kỷ XI với các châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh. Nhà Trần mở rộng thêm châu Ô, châu Lý (Rí), rồi đổi thành châu Thuận và châu Hóa dưới quyền kiểm soát của phủ Thuận Hóa. Về sau nhà Lê nhập tất cả các vùng đất này thành lộ Thuận Hóa (5)... Như vậy, nếu tính từ thế kỷ XI bắt đầu quá trình Nam tiến, Đạo giáo theo chân lưu dân người Việt vào Đàng Trong muộn hơn so với Đàng Ngoài khoảng gần 10 thế kỷ. Song các khảo cứu cho thấy sự tồn tại của các yếu tố Đạo giáo tại các cơ sở thờ tự tam giáo của người Việt là một dạng thức phổ biến ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài. Bên cạnh đó, nó cũng có những nét riêng biệt bởi các điều kiện địa lý-xã hội ở Đàng Trong, đặc biệt là nhu cầu dung hòa giữa các yếu tố truyền thống tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt với truyền thống tôn giáo, tín ngưỡng của các cộng đồng cư dân tại chỗ trên vùng đất mới Đàng Trong.

2. Tình hình sinh hoạt Đạo giáo ở Đàng Trong thời chúa Nguyễn thế kỷ XVI - XVIII

Đạo giáo thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong được ghi chép tản mạn qua một số sử liệu như: *Ô châu cận lục*, *Phủ biên tạp lục*, *Nam triều công nghiệp diễn chí*, *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí*... Cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu có tính chuyên khảo nào về Đạo giáo ở Đàng

Trong thời chúa Nguyễn. Trên cơ sở các nguồn tư liệu, tài liệu hiện có, có thể khái quát tình hình sinh hoạt Đạo giáo dưới thời chúa Nguyễn qua một số nét cơ bản sau đây.

Niềm tin và thực hành nghi lễ Đạo giáo

Trong dân gian, ngôi chùa làng có vai trò đặc biệt trong quá trình các lưu dân người Việt tái cố kết cộng đồng trên vùng đất mới Đàng Trong, trên thực tế quá trình lập làng thường đi đôi với việc dựng chùa. *Ô Châu cận lục* cho biết nhiều ngôi chùa cổ của người Việt trong thời kỳ đầu mang dấu ấn tam giáo sâu sắc trong đó bao gồm cả yếu tố Đạo giáo. Ngoài các yếu tố tượng thờ, kiến trúc, một số ngôi chùa như Sùng Hóa, Kính Thiên, Đại Phúc (6) là nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động cầu đảo, cầu mưa. Đây là các nghi lễ nông nghiệp có nguồn gốc từ Đạo giáo với việc sử dụng các nghi thức phù chú kết hợp với cầu cúng nhằm mục đích cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu...

Đối với giới quý tộc, các chúa Nguyễn và hàng ngũ quan lại có niềm tin vào thế giới thiêng của Đạo giáo là một thực tế phổ biến. Sách *Nam triều công nghiệp diễn chí* cho biết, trước khi mất chúa Hiền kể lại giấc mơ về các nhân vật có liên quan tới các ngôi sao trong Đạo giáo: "... tuần thượng tháng 3, ở vương cung, vua nằm mơ được đi chơi Thiên đình và gặp một cụ già có cả lông mày tóc đều màu trắng, mặc áo màu đỏ, cầm bức bản bảo vật trong tay... Đông chiêu tấu rằng [...] "đây là Hỏa Đức tinh quân". Thần e rằng thiên mệnh của ngài sắp hết hạn, mong rằng ngài cứ trai giới và lập đàn để tạ tội Thiên địa" (7).

Trong cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn, trước mỗi trận đánh triều đình thường cho người xem sao. Năm 1657, Chiêu Vũ hầu Nguyễn Hữu Dật sau khi xem sao bảo rằng: "Ngày sau, mình đã suy đoán là vào ngày

Quý Hợi, ngày 25, tháng này, ngôi sao Chấn gặp mặt trời thì chắc chắn có gió lớn mưa to. Hướng chỉ lại có mây đen trùm lên vị trí của Bắc Đẩu, Cự Môn, có mây trắng trùm lên ngôi cung của sao Thần thì từ phía Tây Bắc gió mưa tự phát sinh rất to lớn và sẽ nước lụt đầy tràn” (8).

Ngoài ra, C. Borri cho biết thêm triều đình có một đội ngũ giúp việc là các “nhà thiên văn”, do đó việc xem sao rất được coi trọng: “Khi họ tính đúng thì họ được ban thưởng cho đất ruộng, trái lại nếu tính sai thì mất cả những ruộng đất đã được từ những lần trước” (9).

Đáng chú ý, trong thực hành nghi lễ Đạo giáo thời kỳ này, cầu đảo là nghi lễ được chính quyền chúa Nguyễn đặc biệt chú trọng và tiến hành thường xuyên. Thống kê từ các nguồn sử liệu cho biết thời kỳ này chính quyền chúa Nguyễn tổ chức được ít nhất là 15 lần cầu đảo, gồm:

Cầu đảo do hạn hán vào các năm: 1614, 1668, 1689, 1695; Cầu đảo do ngập lụt vào năm 1680; Cầu đảo do dịch châu chấu năm 1667, dịch bệnh năm 1683; Cầu đảo do động đất, núi lở vào các năm: 1670, 1685, 1771...

Ngoài ra, còn có các lần cầu mát (cầu sức khỏe) và cầu tạnh (10)...

Đạo quán và lực lượng đạo sĩ

Theo *Phủ biên tạp lục*, trong bộ máy hành chính thời chúa Nguyễn, chính quyền cho đặt một số cơ quan chuyên trách các hoạt động thuộc Đạo giáo. “Trần Thuận Hóa có chùa quán... chùa nào cũng đặt tăng lục, lại có ty Tăng lục, ty Nội pháp, ty Huyền pháp, ty Đạo lục, ty Tứ quý, Ty Lương y, ty Tượng y” (11).

Căn cứ các tài liệu sưu tầm tại làng Thanh Phước (Huế), trong một nghiên cứu gần đây TS. Onishi khẳng định: ty Huyền

pháp, ty Tứ Quý là các trụ sở thuộc Đạo giáo. Dù chưa tìm thấy chứng tích về sự tồn tại của các đạo quán cũng như xác định vị trí của các trụ sở hoạt động Đạo giáo, song tác giả cho rằng tại một số ngôi chùa mang dấu ấn Đạo giáo, bên cạnh chức năng thờ Phật có chức năng Đạo quán đồng thời có thực hiện các nghi lễ Đạo giáo (12).

Về lực lượng đạo sĩ: các hoạt động cầu đảo, cầu mát được chính sử ghi lại hết sức ngắn gọn, ví dụ như: *sai người làm lễ cầu đảo*, hoặc *sai quan lập đàn cầu đảo*... Trong *Đại Nam thực lục*, *Nam triều công nghiệp diễn chí* ngoài một vài lần cầu đảo có nhắc tới đạo sĩ, đa phần vai trò của đạo sĩ không được nhắc tới. Tuy nhiên, bên cạnh lực lượng đạo sĩ, có nhiều cơ sở để cho rằng hàng ngũ tăng sư tại các ngôi chùa tam giáo có thể kiêm nhiệm vai trò đạo sĩ. Rõ nhất trường hợp Thiền sư Thích Đại Sán sử dụng các thuật phù chú, đốt bùa để cầu tạnh tại một buổi lễ Phật giáo (cúng đàn Hỏa Diệm) trong dịp chúa Nguyễn Phúc Chu mời thiền sư sang hoàng pháp ở Đàng Trong (1695-1696). Ngoài ra, nhiều bằng chứng cho thấy trong hàng ngũ quan lại không hiếm những người giỏi thuật chiêm tinh, xem sao tiêu biểu là trường hợp của Chiêu Vũ hầu Nguyễn Hữu Dật...

Ngoài đặc điểm chung của truyền thống tam giáo trong đó Đạo giáo thường nương tựa Phật giáo để tồn tại, thời kỳ này dưới tác động của chính sách ưu tiên phát triển Phật giáo của chính quyền chúa Nguyễn, tình hình sinh hoạt Đạo giáo ở Đàng Trong từ thực hành nghi lễ cho đến đạo sĩ, đạo quán... đều cho thấy mối quan hệ gắn bó sâu sắc giữa Đạo giáo vào Phật giáo. Có thể coi đây là một trong những đặc điểm nổi bật của tình hình sinh hoạt Đạo giáo ở Đàng Trong thời kỳ này.

3. Yếu tố Đạo giáo tại một số cơ sở thờ tự tam giáo ở Đàng Trong

Cương vực lãnh thổ của Đàng Trong liên tục được mở rộng về phương Nam là một trong những điểm lưu ý khi tiến hành khảo cứu các cơ sở thờ tự ở Đàng Trong. Trước chiến tranh Trịnh - Nguyễn, Đàng Trong có 07 dinh, trấn, phủ từ Quảng Bình đến Phú Yên. Sau nội chiến là thời điểm Đàng Trong phát triển mạnh xuống phía Nam, năm 1698 Nguyễn Hữu Chỉnh chính thức cắt đặt đơn vị hành chính ở vùng Gia Định. Giữa thế kỷ XVIII, Mạc Thiên Tứ dâng toàn bộ vùng đất Hà Tiên cho chính quyền chúa Nguyễn, lúc này Đàng Trong có tổng số 12 dinh và 1 trấn, gồm: Bố Chánh, Quảng Bình, Lưu Đồn, Cựu, Chính Dinh, Quảng Nam, Phú Yên, Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ và 1 trấn (Hà Tiên).

Quá trình mở rộng cương vực của Đàng Trong liên quan đến quá trình định cư lập làng và hình thành các cơ sở thờ tự theo truyền thống của lưu dân người Việt. Trên cơ sở đó, các cơ sở thờ tự tam giáo có yếu tố Đạo giáo tiêu biểu được phân bố như sau:

- *Huế (Phú Xuân)*

Chùa Thiên Mụ

Ngoài chức năng là ngôi *chùa công* đáp ứng nhu cầu thực hành Phật giáo của chính quyền chúa Nguyễn và giới hoàng thân quốc thích, chùa Thiên Mụ còn có vai trò là trung tâm Phật giáo của toàn khu vực Đàng Trong bởi chính quyền thường xuyên tổ chức các hoạt động Phật giáo quy mô lớn thu hút sự tham gia của đông đảo người dân và tín đồ ở khắp các dinh trấn.

Trước hết, về truyền thuyết xây dựng chùa Thiên Mụ: Theo *Ô châu Cận lục*, chùa nằm trên ngọn đồi Hà Khê từng là một phế tích tôn giáo của người Chăm. Khi Nguyễn Hoàng tiến hành dựng chùa, trong dân

gian lan truyền truyền thuyết “Bà già mặc áo đỏ” mang điềm báo về sự xuất hiện của một “chân chúa” (13). Trên thực tế, ngay từ đầu xem thế đất, núi sông, Nguyễn Hoàng đã có cả một kế hoạch biến nơi đây thành trung tâm Phật giáo nhằm tạo dựng một bề đồ vững chắc cho chính quyền ở Đàng Trong. Không phải ngẫu nhiên việc xây chùa được phủ lên câu chuyện mang màu sắc huyền bí. Nó vừa mang tính mẫu hệ gần gũi với truyền thống tôn giáo bản địa của người Chăm, vừa mang tính hỗn dung tam giáo. Trong đó, bà già mặc áo đỏ được cho là màu của Đạo giáo, điềm báo về vị “Chân chúa” giống như nhận *Mệnh trời* trong Nho giáo, trong khi việc hưng khởi xây chùa là của Phật giáo. Xét bối cảnh chính quyền chúa Nguyễn trong bước đầu thiết lập quyền lực, việc lan truyền một truyền thuyết huyền bí với tính hỗn dung tôn giáo có tác dụng hóa giải những mâu thuẫn, khác biệt về tôn giáo - văn hóa giữa cộng đồng người Việt với các cộng đồng tại chỗ đặc biệt là người Chăm.

Thứ hai, về kiến trúc và nơi thờ tự: Sau khi xây dựng, chùa Thiên Mụ được trùng tu nhiều lần, đặc biệt là lần trùng tu dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu năm 1715. Trong một nghiên cứu gần đây, TS. Onishi đã có những so sánh và phát hiện về kiến trúc và tín ngưỡng thờ Ngọc Hoàng tại chùa Thiên Mụ trong lần trùng tu này. Chúa Nguyễn Phúc Chu trên cơ sở tiếp thu sự chỉ dẫn của Thiên sư Thích Đại Sán (khi đang hoàng pháp ở Đàng Trong từ 1695 - 1696), kiến trúc chùa Thiên Mụ nhẽ ra được bố trí theo kiểu cách kiến trúc của các ngôi chùa Trung Quốc thời nhà Minh - Thanh theo trình tự là: Sơn môn - Điện Thiên Vương - điện Đại Hùng Bảo - đường Pháp.

Tuy nhiên, khi tiến hành xây dựng, chúa Nguyễn Phúc Chu xây thêm điện thờ riêng thờ Ngọc Hoàng, đồng thời đặt điện thờ

Ngọc Hoàng ở giữa hệ thống cụm kiến trúc kiểu Trung Quốc thời nhà Minh - Thanh, trình tự kiến trúc được bố trí như sau: Sơn môn - Điện Thiên Vương - Điện Ngọc Hoàng - Điện Đại Hùng Bảo - Đường Thuyết Pháp (14).

Cách bố trí kiến trúc và điện thờ Ngọc Hoàng tại Thiên Mụ (năm 1715) phản ánh tính độc đáo của yếu tố Đạo giáo tại các cơ sở thờ tự Phật giáo. Theo TS. Onishi, rất có thể việc thờ Ngọc Hoàng đã có từ các thế hệ trước khi chúa Nguyễn Hoàng xây chùa Thiên Mụ và các lần trùng tu dưới thời chúa Nguyễn Phúc Tần (15)..., chúa Nguyễn Phúc Chu chỉ là người tiếp thu và xây dựng lại nơi thờ cúng Ngọc Hoàng mà thôi.

Đền Quan Công:

Các ghi chép trong *Đại Nam nhất thống chí* cho biết, đền Quan Công nằm ở phía tả chùa Thiên Mụ (16). Trải qua thời gian, đền dần biến thành chùa với tên gọi dân gian là chùa Ông thờ Quan Thánh đế quân. Đặc biệt, tại đây còn lưu giữ bức hoành phi do chúa Nguyễn Phúc Chu ban vào năm 1715, gồm 4 chữ: Trung nghĩa chi tắc (忠義之則) (17) để tôn vinh những tấm gương trung nghĩa và công đức của vị Quan Thánh đế quân. Bên cạnh việc phản ánh niềm tin của các vị chúa Nguyễn đối với các nhân vật thuộc hệ thống tượng thờ Đạo giáo, nó cũng cho thấy vị thế của ngôi đền, vai trò quan trọng của tín ngưỡng thờ Quan Công trong đời sống sinh hoạt tôn giáo thời kỳ này.

- Quảng Bình:

Động Thầy Tiên:

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, động cách Bó Trạch 40 dặm về phía tây, lại có tên là động Núi Thầy... Trong động thạch nhũ rủ xuống, hoặc như cây hoa, hoặc như chuỗi ngọc, hoặc như tượng Phật... Trước kia có tượng đá như hình người tiên, dân

địa phương thường tới thờ phụng. Sau động được các chúa Nguyễn sắc phong thần và ban cấp đồ thờ.

Chùa Cảnh Tiên:

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, chùa thuộc huyện Phong Lộc do khai quốc công thần Nguyễn Hữu Dật dựng. Ông từng gắn bó với vùng đất này nhiều năm trong vai trò Chuông dinh trấn giữ biên ải, nhất là giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn ác liệt. Khi cuộc chiến kết thúc, ông phát tâm dựng chùa với tâm nguyện thờ cúng siêu độ cho các anh linh tử trận và hồi hướng Phật pháp cho dân chúng trong vùng. Hiện tại chùa còn hai tấm bia đã mờ, trong đó một tấm bia được cho là dựng dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, trên trán bia vẫn còn dòng chữ "Sắc tứ Cảnh Tiên tự bi" (敕賜境僊寺碑) (18).

Chùa là nơi thờ Phật, song Tiên cảnh lại thuộc Đạo giáo. Bản thân Nguyễn Hữu Dật có niềm tin, am hiểu Đạo giáo, ông giỏi thuật chiêm tinh được chúa Nguyễn tin cậy thường giao cho xem sao trước mỗi trận đánh quan trọng... Dựa vào sự gắn bó đặc biệt của Nguyễn Hữu Dật đối với ngôi chùa Tiên Cảnh, các dấu tích cũ hầu như không còn do chiến tranh tàn phá song chúng tôi cho rằng: với một người có tâm thức Đạo giáo sâu sắc, ngôi chùa Tiên Cảnh không chỉ mang màu sắc Đạo giáo ở tên gọi đơn thuần, rất có thể trong quá trình tham gia dựng chùa, các yếu tố Đạo giáo đã được Nguyễn Hữu Dật đưa vào hệ thống thờ tự, kiến trúc của chùa.

Chùa Kính Thiên (tức chùa Hoàng Phúc thời chúa Nguyễn):

Chùa thuộc huyện Lệ Thủy, do chúa Nguyễn Hoàng xây dựng, dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu tiến hành trùng tu, tặng đồ thờ và 5 cặp đối liễn do chúa ngự đề. Trong số đó, có một cặp câu đối đề cập

đến tư tưởng triết lý “vô vi” trong Đạo giáo: “Huyền ảo kính vu không đường, sâm nghiêm vạn tượng; Xán tâm đăng vu tính địa, diệu chứng vô vi” (*Nhà không khoáng treo gương quý, muôn trượng giăng bày chỗ tính linh rạng đèn lòng, vô vi mẫu nhiệm*) (19).

Đặc biệt, chùa có 5 pho tượng cổ gồm tượng Phật Thích Ca, tượng Bồ tát Địa Tạng và bộ ba tượng Đạo giáo là Ngọc Hoàng - Nam Tào - Bắc Đẩu. Dựa vào kỹ thuật tạo tác, hình dáng, phong cách, trang phục và bố trí tượng thờ, các nhà nghiên cứu cho rằng tượng có niên đại Hậu Lê (20). Đây là bộ ba tượng Đạo giáo rất phổ biến ở các chùa miền Bắc. Chùa Hoàng Phúc là một trong số các ngôi chùa cổ từng được nhắc đến trong *Ô Châu cận lục* (thế kỷ XVI). Trong thời kỳ đầu di dân định cư trên vùng đất mới cùng với việc xây chùa lập làng, các lưu dân Việt có xu hướng sao chép lại hình mẫu các ngôi chùa Đàng Ngoài. Do đó chùa còn lưu giữ nhiều nét truyền thống tam giáo và đặc biệt là bộ ba tượng Đạo giáo theo phong cách của các ngôi chùa Việt ở Đàng Ngoài.

- Quảng Trị

Chùa Thiên Tôn:

Chùa do chúa Hiền xây cất, chúa ban cho tượng Phật và hoành phi có đề “*Thiên Tôn Quán Tự*”. Tên này tương tự với tên sơn môn thờ Thiên Tôn được chúa Nguyễn Phúc Chu bổ sung vào hệ thống kiến trúc chùa Thiên Mụ trong lần trùng tu năm 1715. “Thiên tôn” là một vị thần cao quý trong Đạo giáo. Hiện nay chùa còn lưu giữ được hai câu đối liên trên bốn cây cột trụ (phế tích của chùa từ nguyên khởi). Đối liên đề cao tư tưởng tam giáo, đồng thời có nhắc đến các vị thần trong Đạo giáo: “Bây giờ kính tới cung điện của năm tộc tôn thần - Chính khí Ngọc hoàng làm linh thiêng sắc

sảo hơn - Ân quang Thượng Đế làm bảo điện nghiêm trang hơn - Chiếu chỉ sắc vua Tam Giáo cùng một gốc mà ra”.

- Thuận Quảng

Chùa Hải Tạng (Cù Lao Chàm, Quảng Nam):

Theo văn bia cổ hiện nay lưu tại chùa, chùa Hải Tạng được xây dựng năm 1758, kiến trúc, tượng thờ thuộc Bắc tông (Đại thừa). Chánh điện ba gian, gian giữa thờ 3 pho tượng Tam thế Phật. Gian bên trái thờ Đức Địa Tạng Vương Bồ tát. Đặc biệt, gian bên phải thờ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và Tam thánh của Đạo giáo gồm Quan Công, Quan Bình và Châu Thương. Các pho tượng làm bằng gỗ, sơn son thếp vàng được cho là có niên đại cùng với ngôi chùa.

- Thuận Hóa:

Núi Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng)

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, núi nằm ở xã Hóa Khuê Đông, cách huyện Phúc Diễn 23 dặm về phía Đông Bắc. Núi Ngũ Hành Sơn còn gọi là “hòn Non nước” là cụm di tích có nhiều danh lam thắng cảnh và cơ sở thờ tự tam giáo mang đậm màu sắc Đạo giáo.

Phía Đông Bắc núi có hình sao Tam Thai nên gọi là núi Tam Thai. Đây là tên của ba ngôi sao trong Đạo giáo gồm: Thượng Thai, Trung Thai, Hạ Thai (23). Tương tự, trong núi còn có các động mây Hoa Nghiêm, động đá Hoa Nghiêm, động Huyền Không, động Linh Nham, động Lăng Hư, động Vân Thông, động Tàng Chân, và các hang Vân Nguyệt, Thiên Long... Đặc biệt, động Tàng Chân thờ các vị thần của Đạo giáo, gồm Tam Thanh và Bát Động tiên chân (24).

Theo Nguyễn Duy Hinh, hầu hết các động trong ngũ Hành Sơn là cơ sở thờ tự của người Chăm (25). Khi người Việt đến cư trú, xuất phát từ lòng kính sợ đối với thế

lực thần linh bản địa, họ có xu hướng phối thờ tượng Châm bên cạnh hệ thống tượng thờ tam giáo (gồm Phật giáo và Đạo giáo) theo truyền thống tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt. Điều này thể hiện nét độc đáo trong hệ thống thờ tam giáo của các lưu dân người Việt xuất hiện khá phổ biến trên dải đất miền Trung.

Cho đến nay, trong hệ thống tượng thờ tại một số động của Ngũ Hành Sơn tính chất pha trộn giữa các yếu tố tam giáo với tín ngưỡng bản địa vẫn được bảo lưu. Những khảo sát thực địa gần đây cho thấy trong hệ thống thờ tự tại động Tàng Chân tượng thờ tại Miếu được bố trí như sau: Tượng Phật ở giữa, Tam Thanh (Đạo Giáo) bên phải, Thiên Y A Na bên trái. Tương tự, trong hệ thống tượng thờ tại động Huyền Không: Phật Quan Âm ở giữa, Quan Thánh (Đạo Giáo) bên phải, Tượng Châm (còn gọi là Phổng Châm, Ba La Môn) bên trái (26).

4. Nhận xét

Quá trình hình thành phát triển

Sự ra đời của các cơ sở thờ tự tam giáo có yếu tố Đạo giáo trước hết là một cách thức duy trì các truyền thống tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt khi các lưu dân định cư sinh sống trên vùng đất mới Đàng Trong. Trên cơ sở các đặc điểm hình thành phát triển của các cơ sở thờ tự này, có thể phân loại thành bốn loại hình sau đây:

- Loại thứ nhất: Cơ sở thờ tự Tam giáo có yếu tố Đạo giáo do dân lập ra về sau được chính quyền chúa Nguyễn sắc phong, ban cho đồ thờ, tiêu biểu với Động thầy Tiên, chùa Động Tiên (Quảng Bình)...

- Loại thứ hai: Trên cơ sở các phế tích tôn giáo của cộng đồng bản địa được Việt hóa, trong đó các yếu tố Đạo giáo, Phật giáo của

người Việt dung hòa với các yếu tố tôn giáo bản địa. Các cơ sở thờ tự này về sau được chính quyền sắc phong, ban đồ thờ, tiêu biểu với các miếu thờ thần tại động Tàng Chân, động Huyền Không (Núi Ngũ Hành).

- Loại thứ ba: Ngay từ đầu là cơ sở thờ tự tam giáo bao gồm cả yếu tố Đạo giáo theo truyền thống hỗn dung tam giáo của người Việt, tiêu biểu với chùa Thiên Tôn (Quảng Trị), chùa Hải Tạng (Đà Nẵng). Đây thường là các ngôi chùa cổ có niên đại sớm khoảng thế kỷ XVI - XVII chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi phong cách bài trí, kiến trúc của các ngôi chùa Đại thừa phổ biến ở miền Bắc.

- Loại thứ tư: Ban đầu, chức năng chính là chùa, sau một thời gian trùng tu xây dựng, yếu tố Đạo giáo được bổ sung và trở thành một bộ phận trong hệ thống thờ tự, kiến trúc của chùa, tiêu biểu là chùa Thiên Mụ. Hoặc biến đổi theo chiều ngược lại, ban đầu là đền thờ Đạo giáo sau một thời gian trở thành chùa, tiêu biểu là đền Quan Công biến đổi thành chùa Ông (Huế).

Đặc điểm và tình hình phân bố

Từ các phân tích ý nghĩa biểu trưng của hệ thống biểu tượng, tượng thờ, đồ thờ, câu đối, kiến trúc... thuộc yếu tố Đạo giáo tại các cơ sở tam giáo có thể rút ra một số đặc điểm chính sau:

Thứ nhất, Đạo giáo nương tựa vào Phật giáo là đặc điểm phổ biến trong truyền thống tam giáo của người Việt ở Đàng Trong và Đàng Ngoài. Tuy nhiên, dưới thời chúa Nguyễn, sự phát triển có phần lấn lướt của Phật giáo khiến cho mối quan hệ nương tựa của Đạo giáo đối với Phật giáo càng trở nên sâu sắc. Tư liệu cho biết trong bộ máy hành chính thời kỳ này tồn tại một số cơ quan chuyên trách các hoạt động thuộc Đạo giáo

(Ty Huyền pháp, Ty Tứ quý) (27), song khảo cứu hoạt động Phật giáo thời kỳ này phần nào cho thấy sự lấn lướt của Phật giáo đối với Đạo giáo từ cơ sở thờ tự, hàng ngũ tăng sĩ cho đến các hoạt động thực hành nghi lễ... trong đời sống xã hội (28).

Thứ hai, mặc dù không phát triển bằng Phật giáo song Đạo giáo vẫn nhận được sự quan tâm đáng kể của chính quyền chúa Nguyễn. Trước hết, niềm tin vào thế giới quan của Đạo giáo phổ biến trong giới quý tộc quan lại, triều thần. Trong thực hành nghi lễ có các hoạt động thờ cúng, lập đàn, xem sao, sử dụng các nghi lễ phù chú, đốt bùa... trong đó, đặc biệt là hoạt động cầu đảo được chính quyền đặc biệt quan tâm và tiến hành thường xuyên.

Về cơ sở thờ tự: Ngoài việc lập ra một số cơ quan chuyên trách các hoạt động Đạo giáo (Ty Huyền pháp, Ty Tứ quý), chính quyền chúa Nguyễn còn quan tâm tới việc tôn tạo hệ thống thờ tự Đạo giáo tại các cơ sở thờ tự tam giáo, ban tặng đồ thờ, câu đối, biển ngạch cho các cơ sở thờ tự tam giáo có yếu tố Đạo giáo...

Thứ ba, về các cơ sở thờ tự tam giáo có yếu tố Đạo giáo mang tính hỗn dung giữa hệ thống thần tượng người Việt với thần tượng bản địa (người Chăm). Thời kỳ này, ngoài việc sắc phong cho các vị thần người Việt chính quyền chúa Nguyễn cũng sắc phong cho nhiều vị thần bản địa như nữ thần Thiên Y A Na (29), Thai Dương Phu nhân, Kỳ Thạch Phu nhân, thần Qua Qua... Do đó, đối với các cơ sở thờ tự tam giáo có yếu tố Đạo giáo phối thờ các vị thần bản địa, chính quyền chúa Nguyễn đều có chính sách quan tâm tặng đồ thờ, ban sắc phong...

Thứ tư, về tình hình phân bố: Có thể dễ dàng nhận thấy hầu hết các cơ sở thờ tự tam giáo có yếu tố Đạo giáo của các lưu dân người Việt dưới thời chúa Nguyễn được phân bố tập trung ở dải đất miền Trung (từ Quảng Bình đến Phú Xuân). Đây là vùng đất cũ bao gồm những lớp lưu dân người Việt đầu tiên di cư từ Bắc vào. Ngoài trừ những yếu tố hỗn dung với nền văn hóa bản địa, về cơ bản các truyền thống tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt được lưu truyền tương đối nguyên vẹn. Cuối thế kỷ XVII, Đàng Trong bắt đầu phát triển mạnh xuống phía Nam, người Việt tiếp tục di cư xuống đồng bằng Nam bộ, họ là con cháu của các thế hệ di cư đầu tiên. Trải qua nhiều thế hệ lưu dân cộng với việc liên tục thay đổi môi trường sống khiến cho việc lưu giữ các truyền thống tôn giáo của người Việt dần dần bị mai một. Về mặt khách quan, Nam Bộ ở thế kỷ XVIII là một môi trường hoàn toàn khác. Tại đây, người Việt chịu ảnh hưởng mạnh bởi các truyền thống tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng người Khmer, thêm vào đó là sự định cư ồ ạt của nhiều nhóm người Hoa (Minh Hương) diễn ra liên tục vào cuối thế kỷ XVII - XVIII. Trong bối cảnh đó, sự vắng bóng dần các cơ sở thờ tự tam giáo có yếu tố Đạo giáo theo truyền thống của người Việt trên vùng đất Nam Bộ là điều tất yếu. Mặt khác, Nam Bộ được khai thác mạnh vào giai đoạn cuối thời chúa Nguyễn, khi đó lưu dân Việt mới định cư một thời gian ngắn chưa có điều kiện để gây dựng các truyền thống phong hóa. Phải chờ vài thế kỷ sau thì sự trở lại của các truyền thống tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt mới có điều kiện phát triển nở rộ trên vùng đất Nam Bộ nhưng trong một hướng cảnh khác, vấn đề này xin được đề cập trong một nghiên cứu khác.

CHÚ THÍCH

(1). Xem Trần Nghĩa, “Quá trình hội nhập Nho - Phật - Đạo hay sự hình thành của tư tưởng “Tam giáo đồng nguyên” ở Việt Nam”, *Triết học*, Số 1 (224), 2010, tr. 23-30.

(2). Nguyễn Duy Hinh, *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.

(3). Theo Dương Ngọc Dũng, tác phẩm *Lý hoặc luận* ra đời khoảng thế kỷ IV - V, trong đó Mâu tử dùng Nho giáo và Đạo giáo để giải thích Phật giáo. Xem Dương Ngọc Dũng, *Mâu Tử Lý hoặc luận nghiên cứu và phiên dịch*, Nxb. VH-VN, TP. Hồ Chí Minh, 2020.

(4). Nguyễn Duy Hinh, sdd, tr. 580.

(5). Dương Văn An, *Ô Châu cận lục*, Nguyễn Khắc Thuần (biên dịch), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2009, tr. 15-16.

(6). Dương Văn An, sdd, tr. 93-94.

(7). Nguyễn Khoa Chiêm, *Nam triều công nghiệp diễn chí*, Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga dịch, Nxb. Khoa học xã hội, TP. Hồ Chí Minh, 2016, tr. 544 - 545.

(8). Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.

(9). Cristoporo Borri, *Đàng Trong năm 1621*, Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị (dịch, chú thích), Nxb. Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, 2014, tr. 107 - 108.

(10). Tham khảo thêm: Trương Thúy Trinh (2018), “Những biểu hiện của tâm thức hỗn dung tôn giáo qua nghiên cứu hoạt động Cầu đảo của chính quyền chúa Nguyễn (1558 - 1777)”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 09 (177), tr. 68-86.

(11). Lê Quý Đôn, *Phủ Biên Tạp lục*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007, tr. 146.

(12). Onishi Kazuhiko, “Đạo giáo thời chúa Nguyễn qua nghiên cứu chùa Thiên Tôn”, *Tạp chí Xưa Nay*, Số 448- 2014, 33-36.

(13). Quốc sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 42.

(14). Onishi Kazuhiko, sdd, tr. 33-36.

(15). Sách *Nam triều công nghiệp diễn chí* cho biết: Trước đây khi còn ở Đàng Ngoài, Nguyễn

Hoàng có ấn tượng không tốt với Phật giáo, “hễ có việc chay đàn sám nguyện cầu phúc thường chỉ chuộng đạo sĩ không dùng tăng thích”. Khi vào trấn thủ Đàng Trong ông mới dần thay đổi thái độ đối với Phật giáo. Xem Nguyễn Khoa Chiêm, sdd, tr. 35.

(16). Quốc sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 1, Nxb. Thuận Hóa, 1997, Tr. 74.

(17). Lê Bá Vương, *Chính sách tôn giáo của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong (thế kỷ XVII - XVIII)*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, 2020, tr. 118.

(18). TS. Võ Vinh Quang (2019), “Dấu ấn các ngôi cổ tự tiêu biểu ở Quảng Bình qua các, thư tịch cổ và văn bia hiện tồn” *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Phật giáo Quảng Bình xưa và nay”*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Quảng Bình, tr.258-267.

(19). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 63.

(20). Nguyễn Hữu Thông, Lê Thọ Quốc, “Bảo vật hiện còn của cổ tự Hoàng Phúc”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Phật giáo Quảng Bình xưa và nay”*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Quảng Bình, 2019, tr.240-248.

(21). Nguồn: Lê Bá Vương, sdd.

(22).Chùa Hải Tạng, nguồn: <https://thuvienhoasen.org/a29455/ngay-xuan-tham-chua-co-chua-hai-tang>

(23). Tấn tài, Phương Đức biên dịch, *Từ điển thuật ngữ Đạo giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2009, tr. 275.

(24). *Đại Nam nhất thống chí*, sdd, tr. 343 - 344.

(25). Nguyễn Duy Hinh (2003), sdd, tr. 641.

(26). Xem thêm Nguyễn Hữu Thông (Cb), *Từ điển tháp Chăm đến chùa miếu Việt*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2017, tr. 212-213.

(27). Vấn đề này cần có thêm các cứ liệu bổ sung để tiếp tục làm rõ.

(28). Xem thêm Trương Thúy Trinh, sdd, tr. 68-86.

(29). Nữ thần Thiên Y A Na được Việt hóa có nguồn gốc từ nữ thần Pô Inư Nagar hay còn gọi là bà Chúa xứ của người Chăm.